

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HS-PT

Ngày: 29/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Phi, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Xuân S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Xuân S**, sinh ngày 03/9/1972, tại Tiền Giang; nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi tạm trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công B, sinh năm 1937 (chết) và bà Trương Thị C, sinh năm 1937 (chết); anh, em ruột có 01 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ: Ngô Thị Kim T, sinh năm 1970; con: 01 con sinh năm 1999; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị hại và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được một số thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A loại 01kg/bao của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1; thuốc trừ bệnh nhãn hiệu

T1 thể tích 240 ml/chai của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P và Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 loại 75g/bao, do Công ty Cổ phần K làm đại diện, là những sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật được nhiều người sử dụng trên thị trường. Khoảng đầu tháng 3/2020 (không nhớ rõ ngày), Nguyễn Xuân S thực hiện việc sản xuất hàng giả là những loại thuốc bảo vệ thực vật các nhãn hiệu này, để bán cho người khác kiếm lời, như sau:

Quy trình sản xuất hàng giả: Nguyễn Xuân S đến Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (không xác định địa chỉ cụ thể), đặt in các bao bì, nhãn mác và chai nhựa có hình dạng và đặc điểm bên ngoài giống với hình dạng, đặc điểm và thông tin ghi bên ngoài bao bì của các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật: A loại 01kg/bao; T1 thể tích 240 ml/chai và B2 loại 75g/bao. Tiếp đến Nguyễn Xuân S mua các loại bột như: bột canxi carbonate, bột màu trắng, bột màu đỏ nghệ; máy pha trộn, máy ép túi bao bì, cân điện tử, cân đồng hồ, thau nhựa, bao nilon, thùng giấy...; đồng thời Nguyễn Xuân S đến một vài điểm bán vật tư nông nghiệp trên địa bàn xã A, huyện C, mua một số thuốc bảo vệ thực vật các nhãn hiệu: A, T2, N, Z, A1, để đem về pha trộn với các loại bột màu, làm hàng giả là các loại thuốc bảo vệ thực vật của những Công ty thuốc bảo vệ thực vật nêu trên.

Sau khi mua được các nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, Nguyễn Xuân S đem về nhà sau của chị Nguyễn Diễm T3 (S chung sống như vợ chồng với T3) ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang để thực hiện việc sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật, gồm các nhãn hiệu như sau:

- Sản xuất hàng giả là thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A: Bị cáo Nguyễn Xuân S sử dụng máy và các dụng cụ pha trộn các vật liệu gồm: bột canxi carbonate, thuốc trừ sâu hiệu N, thuốc trừ bệnh hiệu Z, thuốc trừ bệnh hiệu T2 và thuốc trừ bệnh hiệu A. Trộn xong, S cho vào bao bì in sẵn nhãn hiệu thuốc trừ bệnh A được S mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng cân để cân trọng lượng 01kg/bao và dùng máy đóng gói lại, giả mạo thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1.

- Sản xuất hàng giả là thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2: Bị cáo Nguyễn Xuân S sử dụng các nguyên liệu gồm: Thuốc trừ bệnh hiệu T2, thuốc trừ bệnh hiệu Z và bột màu pha trộn lại với nhau, trộn xong S cho vào bao bì in sẵn nhãn hiệu thuốc trừ bệnh B2 được S mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng cân trọng lượng 75g/bao và sử dụng máy đóng gói lại, để giả mạo thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 của Công ty Cổ phần K.

- Sản xuất hàng giả là thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1: Bị cáo Nguyễn Xuân S sử dụng các nguyên vật liệu gồm: Thuốc trừ bệnh hiệu T2, thuốc trừ bệnh hiệu S và thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A1, đổ vào thau và pha trộn lại với nhau rồi cho vào chai nhựa in sẵn nhãn hiệu T1 được S mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, để giả mạo thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

Sau khi sản xuất hàng giả là các loại thuốc bảo vệ thực vật như đã nêu trên, Nguyễn Xuân S sử dụng điện thoại di động liên hệ với tên V, chưa xác định được họ và địa chỉ để bán, địa điểm giao nhận tại huyện T, tỉnh An Giang, bị cáo không nhớ rõ địa điểm cụ thể. Nguyễn Xuân S khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020, bị cáo đã 04 lần giao thuốc bảo vệ thực vật giả cho tên V, tổng số 270 bao A loại 01kg/bao, thành tiền là 27.300.000 đồng, trừ các khoản chi phí Nguyễn Xuân S còn thu lời số tiền 8.200.000 đồng.

Lúc 07 giờ ngày 13/6/2020, tại ấp A, xã A, huyện C, Nguyễn Xuân S thuê anh Ngô Quang T4 sử dụng xe ba bánh biển kiểm soát 61L8 - 9871, chuẩn bị vận chuyển số thuốc bảo vệ thực vật do S làm giả tiếp tục đi tiêu thụ, thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Theo Công văn số 74/KĐKNTPN-KĐ ngày 13/8/2020 về việc trả lời kết quả trưng cầu giám định các mẫu thuốc bảo vệ thực vật của Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật P thuộc Cục Bảo vệ thực vật, kết luận các mẫu thuốc bảo vệ thực vật do Nguyễn Xuân S làm giả như sau:

- Mẫu thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A (ký hiệu BVTV – 01). Theo kết quả thử nghiệm thì mẫu thuốc trừ bệnh cây trồng nhãn hiệu A (ký hiệu BVTV – 01) có thành phần hoạt chất là Propineb, hàm lượng hoạt chất là 196,2g/kg. Không đạt yêu cầu như đã đăng ký trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

- Mẫu thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 (ký hiệu BVTV – 02). Theo kết quả thử nghiệm thì mẫu thuốc trừ bệnh cây trồng nhãn hiệu B2 (Ký hiệu BVTV – 02) có thành phần hoạt chất là Tricyclazole, hàm lượng hoạt chất là 7.0% W/W. Không đạt yêu cầu như đã đăng ký trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

- Mẫu thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 (ký hiệu BVTV - 03). Theo kết quả thử nghiệm thì mẫu thuốc trừ bệnh cây trồng nhãn hiệu T1 (ký hiệu BVTV – 03). Không chứa hoạt chất như đã đăng ký trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

Theo bản Kết luận giám định số 623/GĐ/PC09 (Đ2) ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận:

1. Bao bì nhựa mềm, thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A cần giám định so với mẫu bao bì nhựa mềm, thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A mẫu so sánh là không cùng một bản in.

2. Bao bì nhựa mềm, thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 cần giám định so với mẫu bao bì nhựa mềm, thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 mẫu so sánh là không cùng một bản in.

3. Nhãn hiệu, thông tin thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ bệnh) nhãn hiệu T1 dán trên vỏ chai nhựa cần giám định so với mẫu hiệu, thông tin thuốc bảo vệ

thực vật (thuốc trừ bệnh) nhãn hiệu T1 dán trên vỏ chai nhựa mẫu so sánh là không cùng một bản in.

Theo Kết luận định giá tài sản số 320/KLĐG-TTHS ngày 11/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, xác định: tổng trị giá hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật do Nguyễn Xuân S làm giả tương đương với trị giá hàng thật thành tiền là 410.013.770 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Hàng hóa giả là thuốc bảo vệ thực vật đã thành phẩm:

+ Gói sản phẩm in nhãn hiệu thuốc trừ bệnh A. Tổng số lượng 367 gói (ba trăm sáu mươi bảy gói). Thông tin in trên bao bì: Thuốc trừ bệnh A. Đăng ký, đóng gói, phân phối và chịu Trách nhiệm Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1, khối lượng tịnh in trên bao bì 01kg;

+ Gói sản phẩm in nhãn hiệu thuốc trừ bệnh B2. Tổng số lượng 3.041 gói (ba nghìn, không trăm bốn mươi một gói). Thông tin in trên bao bì: Thuốc B2. Nhập khẩu - Phân phối: Công ty Cổ phần K, khối lượng tịnh in trên bao bì 75g;

+ Chai sản phẩm dán nhãn hiệu thuốc trừ bệnh T1. Tổng số lượng 319 chai (ba trăm mười chín chai). Thông tin in trên nhãn dán trên chai: Thuốc trừ bệnh T1, sản xuất tại: Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật P; thể tích thực in trên nhãn dán trên chai 240 ml;

+ 299 (hai trăm chín mươi chín) chai sản phẩm không dán nhãn.

- Nguyên liệu:

+ 540 kg (năm trăm bốn mươi Kilogram) bột canxi carbonate;

+ 395 kg (ba trăm chín mươi lăm kilogram) bột màu trắng;

+ 30 kg (ba mươi kilogram) bột màu đỏ nghệ;

+ 58 (năm mươi tám) chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu: C1 do Công ty TNHH SX N1 sản xuất.

- Bao bì, nhãn mác:

+ 4.854 (bốn nghìn, tám trăm năm mươi bốn) bao bì in nhãn hiệu thuốc trừ bệnh: A;

+ 3.616 (ba nghìn, sáu trăm mười sáu) bao bì nhãn hiệu thuốc trừ bệnh: B2;

+ 13 kg (mười ba kilogram) giấy nhãn hiệu thuốc trừ bệnh: T1;

+ 1.815 (một nghìn, tám trăm mười lăm) vỏ chai nhựa màu xanh, loại 240ml;

+ 372 (ba trăm bảy mươi hai) vỏ chai nhựa màu trắng, loại 240ml.

- Công cụ, phương tiện:

+ 01 (một) máy pha trộn sử dụng động cơ điện;

+ 02 (hai) máy ép bao bì sử dụng điện;

+ 01 (một) cân đồng hồ lò xo hiệu B3 loại 100kg;

+ 01 (một) cân đồng hồ lò xo hiệu N2 loại 05kg;

+ 02 (hai) cân điện tử có chữ XF03;

- + 08 (tám) thau nhựa các loại;
- + 01(một) thau kim loại;
- + 05 (năm) vá xúc bằng kim loại các loại;
- + 03 (ba) rổ nhựa;
- + 01 (một) kéo bằng kim loại;
- + 16 (mười sáu) thùng giấy carton;
- + 100 (một trăm) bao ny lon nhãn hiệu V1;
- + 01 xe 03 bánh mang biển số 61L8 – 9871, đã qua sử dụng;
- + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61L8 – 9871 mang tên Mai Văn Đ, địa chỉ số Khu phố N, P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Các sản phẩm thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A, sản phẩm thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 và sản phẩm thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 đã được bị cáo S thực nghiệm việc làm giả.

- Các mẫu sản phẩm so sánh gồm: 01 (một) bao nhựa thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A; 02 chai nhựa thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 và 03 bao bì nhựa thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2.

- Ngày 06/5/2021, Chị Nguyễn Diễm T3 giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, gắn thẻ sim số 0933*****, điện thoại này của bị cáo Nguyễn Xuân S sử dụng để liên hệ với tên V trong quá trình thực hiện tội phạm.

- Ngày 15/4/2021, chị Ngô Thị Kim T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C nộp thay cho bị cáo Nguyễn Xuân S số tiền thu lợi bất chính 8.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện các Công ty thuốc bảo vệ thực vật có sản phẩm bị Nguyễn Xuân S sản xuất làm giả, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 195, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào các Điều 106, 135, khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 10 tháng 3 năm 2021.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 04 tháng 4 năm 2022, bị cáo Nguyễn Xuân S có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo khai nhận hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật giả là trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” là không oan. Số lượng thuốc giả mà bị cáo làm ra chỉ trông chờ và lệ thuộc vào cuộc gọi điện thoại đặt hàng của V, và thực tế bị cáo chỉ bán được số lượng rất ít nhưng bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 năm tù là quá nặng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị: xét đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 195 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo nộp trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Nội dung xét kháng cáo:

Từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020, bị cáo Nguyễn Xuân S đã có hành vi sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật nhãn hiệu của các Công ty bảo vệ thực vật trên thị trường Việt Nam theo quy trình sau: Pha trộn các nguyên liệu gồm bột canxi carbonate, thuốc trừ sâu hiệu N, thuốc trừ bệnh hiệu Z, thuốc trừ bệnh hiệu T2 và thuốc trừ bệnh hiệu A cho vào bao bì in sẵn nhãn hiệu thuốc trừ bệnh A đặt mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, để giả mạo nhãn hiệu thuốc trừ bệnh hiệu A của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1, trọng lượng 01kg/gói; pha trộn các nguyên liệu gồm thuốc trừ bệnh hiệu T2, thuốc trừ bệnh hiệu Z và bột màu cho vào bao bì in sẵn nhãn hiệu thuốc trừ bệnh B2 đặt mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, để giả mạo thuốc trừ bệnh nhãn hiệu B2 của Công ty Cổ phần K, trọng lượng 75g/gói; pha trộn các nguyên liệu gồm thuốc trừ bệnh hiệu T2, thuốc trừ bệnh hiệu S và thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A1 cho vào chai nhựa in sẵn nhãn hiệu T1 được mua từ Thành phố Hồ Chí Minh, để giả mạo thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P, dung tích 240ml/chai. Tổng cộng bị cáo sản xuất 367 gói thuốc trừ bệnh hiệu A, 3.041 gói thuốc trừ bệnh hiệu B2, 319 chai thuốc trừ bệnh hiệu T1 giả mà Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ trong quá trình điều tra. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận đã bán cho đối tượng tên V (không rõ họ, địa chỉ) 270 gói thuốc trừ bệnh hiệu A giả.

Theo Công văn số 74/KĐKNTPN-KĐ ngày 13/8/2020 về việc trả lời kết quả trưng cầu giám định các mẫu thuốc bảo vệ thực vật của Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật P thuộc Cục Bảo vệ thực vật, kết luận các mẫu thuốc bảo vệ thực vật do Nguyễn Xuân S làm giả như sau: Mẫu thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A, B2 có thành phần hoạt chất, hàm lượng hoạt chất không đạt yêu cầu như đã đăng ký trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam; mẫu thuốc trừ bệnh nhãn hiệu T1 không chứa hoạt chất như đã đăng ký trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

Theo bản Kết luận giám định số 623/GĐ/PC09 (Đ2) ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận: Bao bì nhựa mềm, thuốc trừ bệnh nhãn hiệu A, B2 cần giám định so với mẫu so sánh là không cùng một bản in; nhãn hiệu, thông tin thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ bệnh) nhãn hiệu T1 dán trên vỏ chai nhựa cần giám định so với mẫu so sánh là không cùng một bản in.

Theo Kết luận định giá tài sản số 320/KLĐG-TTHS ngày 11/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, xác định: tổng trị giá hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật do Nguyễn Xuân S làm giả tương đương với trị giá hàng thật thành tiền là 410.013.770 đồng.

Như vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên bố bị cáo phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 195 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính, mẹ ruột là người có công cách mạng và tuyên phạt bị cáo 06 năm tù.

Tuy bị cáo kháng cáo không cung cấp được tính tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét về tính chất, mức độ phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi sản xuất hàng giả một mình, quy mô sản xuất nhỏ, số lượng thành phẩm làm ra chủ yếu theo yêu cầu của đối tượng tên V (không rõ họ, địa chỉ) và chưa tiêu thụ nhiều, thu lợi bất chính không cao. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 06 năm tù là nghiêm khắc nên cần xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt, như nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bị cáo kháng cáo về hình phạt và được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;
+ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân S.
+ Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về hình phạt;
Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 195; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 10/3/2021.

Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Lê Huy